TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2022
V/v ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lương Thị Thuỷ**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử**
Ông **Vũ Đức Ngọc**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký toà án huyện Ân Thi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:
Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 14/2022/QĐST- HNGĐ ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lưu Thị H**, sinh năm 1973 *(có mặt)*
- *Bị đơn:* Ông **Vũ Đức T**, sinh năm 1972 *(có mặt)*

Đều trú tại: Thôn C, xã L, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2021 của bà H và các lời khai của bà H, ông T trong quá trình tố tụng thể hiện: Bà H và ông T xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L vào năm 1991. Sau khi lấy nhau, vợ chồng bà H, ông T có nhiều năm chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Theo bà H thì từ năm 2016 thì vợ chồng bà mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T chơi bời cờ bạc dẫn đến vay nợ nhiều, có cả xã hội đen đến đòi nợ, một phần nữa do ông T nghi ngờ bà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bản thân ông T cũng có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Gia đình, vợ con nhiều lần khuyên giải nhưng ông T không thay đổi, nhiều lần ông T còn đánh đập bà H. Do mâu thuẫn nghiêm trọng nên từ tháng 7/2021 bà H đã ra ngoài sinh sống, bà H và ông T chấm dứt mọi quan hệ, không qua lại gì với nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Toà án xem xét, giải quyết được ly hôn ông T.

Còn theo ông T thì đến đầu năm 2021 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, ông thừa nhận việc ông có chơi cờ bạc và có vay nợ, nhưng nguyên nhân chính dân đến mâu thuẫn vợ chồng là do bà H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác làm cùng công ty với bà H, từ đó bà H lạnh nhạt, thờ ơ với ông, thậm chí bà H còn bỏ nhà đi 18 tháng nay không về. Ông có nói chuyện với bà H về việc này nhưng bà H không thừa nhận và vẫn tiếp tục mối quan hệ bên ngoài. Việc bà H ngoại tình ông không có chứng cứ cụ thể, tuy nhiên vợ chồng sống với nhau nhiều năm nên ông biết rõ như thế nào. Nay ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà H muốn ly hôn, ông nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng bà H, ông T có 03 con chung là Vũ N, sinh năm 1992, Vũ Hương G, sinh ngày năm 1992 và Vũ Huy S, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đều đã đã trưởng thành và tự lập cuộc sống nên ông, bà không yêu cầu, đề nghị gì.

Về tài sản: Năm 1996, vợ chồng mua của ông Nhiệm ở cùng thôn mảnh đất có diện tích khoảng 250m^2 với giá 20.000.000 đồng, đến năm 2006 thì vợ chồng phá dỡ nhà cũ xây nhà mới và công trình khác trên đất hết 40.000.000 đồng, nguồn tiền mua đất, xây nhà là của vợ chồng ông bà tiết kiệm, vay mượn thêm nhưng đến nay đã trả nợ hết. Ngoài ra vợ chồng còn mua sắm một số đồ đạc trong gia đình gồm: 01 Tivi Sony, 01 máy giặt LG, 01 điều hoà Daikin, 01 bộ bàn ghế gỗ, kệ Tivi, 01 tủ đứng hai buồng, 01 tủ đứng ba buồng, 01 bình nóng lạnh, 01 loa thùng và âm li, 01 tủ lạnh, 01 két sắt, 02 bếp ga + 02 bình ga, 01 bàn thờ, 02 giường, 01 lioa.

Vợ chồng ly hôn, cả bà H và ông T đều có nguyện vọng được chia phần đất có nhà để ở, lý do của ông T để có nơi thờ cúng bố mẹ, còn bà H thì do sức khỏe bà yếu nên không khả năng tạo dựng chỗ ở mới. Các tài sản khác ông bà đề nghị Tòa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về công nợ của vợ chồng: Ông, bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của các con chung là Vũ N, Vũ Hương G, Vũ Huy S: Các anh chị là con đẻ của bà H, ông T, việc bố mẹ ly hôn anh, chị đều không muốn chuyện này xảy ra và hy vọng bà H, ông T cân nhắc và suy nghĩ kỹ để về đoàn tụ với nhau. Nếu bà H, ông T quyết định ly hôn thì các anh chị tôn trọng vì đó là quyền của bà H, ông T. Đối với khối tài sản chung của gia đình thì anh, chị không có công sức đóng góp gì nên không có yêu cầu, đề nghị.

Xác minh tại UBND xã L được biết: Bà H, ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L vào ngày 16/12/1991. Quá trình chung sống vợ chồng bà H, ông T có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được vì các bên không báo cáo hay trình bày gì với Uỷ ban nhân dân xã. Nay bà H có đơn ly hôn ông T, quan điểm của Uỷ ban nhân dân xã đề nghị Toà án giải quyết theo thẩm quyền.

Về con chung: Vợ chồng bà H, ông T có 03 con chung là Vũ N, sinh năm 1992; Vũ Hương G, sinh năm 1992 và Vũ Huy S sinh năm 1998.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông T và giải quyết vấn đề tài sản chung của vợ chồng. Ông Thuỵ nhất trí ly hôn và cũng đề nghị Toà án giải quyết tài sản chung vợ chồng theo quy định.

Ông T, bà H thống nhất không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết đối với các tài sản: 02 chiếc giường, 01 bàn thờ và 01 bếp ga công nghiệp.

Phát biểu của Viện kiểm sát:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký

Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Nguyên đơn: Đã thực hiện cơ bản đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, Điều 71 của BLTTDS. Tuy nhiên vẫn còn vắng mặt khi Toà án triệu tập đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 71 BLTTDS

- Bị đơn: Đã thực hiện cơ bản quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Tuy nhiên vẫn còn vắng mặt khi Toà án triệu tập đến hòa giải vi phạm khoản 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

* Quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, BLTTDS; Điều 213, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 33, 51, 56, 59, 63 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Về tình trạng hôn nhân: Vợ chồng bà H, ông T phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do ông T chơi bời cờ bạc dẫn đến vay nợ nhiều dẫn đến vợ chồng bà H, ông T thường xuyên cãi nhau. Gia đình, vợ con nhiều lần khuyên giải nhưng ông T không thay đổi và nhiều lần ông T còn đánh bà H. Do mâu thuẫn quá nghiêm trọng nên từ tháng 7/2021 bà H đã về bên ngoại ở thôn Ngô Xá, xã L, huyện Ân Thi sinh sống và bà H, ông T chấm dứt mọi quan hệ, không qua lại gì với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải tình cảm vợ chồng, nhưng không thành do bà H, ông T vắng mặt, không có lý do. Bà H vẫn giữ quan điểm ly hôn ông T và ông T cũng nhất trí ly hôn bà H. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy có đủ căn cứ để xử cho bà H ly hôn ông T.

- Về con chung: Vợ chồng bà H, ông T có 03 con chung là chị Vũ N, sinh năm 1992; chị Vũ Hương G, sinh năm 1992 và anh Vũ Huy S sinh năm 1998. Hiện chị Anh, chị G, anh S đã trưởng thành và bà H, ông T không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng bà H, ông T không yêu cầu

- Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án giải quyết tài sản theo quy định của pháp luật gồm: 01 mảnh đất có diện tích 234,9m2 tại thôn C, xã L, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên trên đất có 01 ngôi nhà mái lợp ngói; 01 nhà bếp, 01 nhà vệ sinh và bể nước và một số tài sản sinh hoạt gia đình gồm 01 ti vi, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 01 điều hòa, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ ti vi, 01 tủ đứng 02 buồng, 01 tủ đứng 03 buồng, 01 bình nóng lạnh, 01 loa thùng + âm ly, 01 tủ lạnh, 01 két sắt, 01 bếp ga và 01 bình ga, 01 lioa

Đối với mảnh đất trên đất có 01 nhà cấp 4 và các công trình khác xây dựng trên đất gồm nhà bếp, nhà vệ sinh, bể nước, sân gạch, cổng, tường bao và các tài sản khác là vật dung trong gia đình do ông T bà H tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân có tổng giá trị 348.408.151đ được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Theo Luật Hôn nhân và gia đình thì bà H và ông T mỗi người sẽ có ½ giá trị tài sản trên. Khi vợ chồng ly hôn, ông T, bà H đều không có chỗ ở nào khác, xét thấy mảnh đất có thể chia được cho mỗi người một phần để sử dụng, ông bà đều có nguyện vọng được chia phần đất có nhà. Tuy nhiên, ngôi nhà không thể chia đôi cho mỗi người một phần để sử dụng vì nếu chia sẽ ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của ngôi nhà. Do vậy, ngôi nhà của ông bà chỉ có thể giao cho một người sử dụng. Xét thấy, bà H là phụ nữ nên việc tạo dựng nhà mới sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, hiện nay các con của ông bà là anh S và chị G đều có nguyện vọng có nhà để sinh sống cùng với mẹ là bà H. Do vậy sẽ giao phần đất có nhà cho bà H sử dụng cụ thể:

- Giao cho bà Lưu Thị H được quản lý và sử dụng các tài sản sau: Phần đất gồm: 01 nhà cấp 4; tam cấp lát nền gạch đỏ đất; 2/3 gian bếp và một số đồ dùng 01 điều hòa Daikin ; 01 bếp ga + bình ga, 01 tủ 02 buồng, 01 biến áp, 01 ti vi, 01 bình nóng lạnh, 01 tủ lạnh.

- Giao cho ông Vũ Đức T quản lý và sử dụng các tài sản sau: Phần đất còn lại trên đất có 01 nhà vệ sinh và sân lát gạch và một số đồ dùng 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ ti vi, 01 tủ 03 buồng, 01 két sắt, 01 loa thùng âm ly, 01 bình nóng lạnh.

Bà H, ông T bên nào nhận được phần tài sản nhiều hơn thì phải trả bằng tiền cho bên nhận ít phần trênh lệnh.

- Về án phí: bà H ông T phải chị tiền án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, việc tranh luận và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Lưu Thị H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết việc ly hôn, chia tài sản chung với bị đơn là ông Vũ Đức Thuỵ hiện đang cư trú tại: C, L, Ân Thi, Hưng Yên. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng". Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Bà H và ông T xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quản Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 1991 đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định. Do vậy hôn nhân nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Cả bà H và ông T đều thừa nhận việc vợ chồng ông bà có mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn mỗi người đều đưa ra lý do khác nhau. Theo bà H thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân là do ông T hay chơi cờ bạc dẫn đến bà và ông T thường xuyên cãi nhau, bà và gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng ông T không thay đổi, thậm chí ông T còn đánh đập bà H. Ngoài ra ông T còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc. Còn theo ông T thì nguyên nhân mâu thuẫn do bà H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, kể từ đó bà H lạnh nhạt, thờ ơ với ông. Từ tháng 7/2021, bà H đã chuyển ra chỗ khác sống, bà H và ông T chấm dứt mọi quan hệ, không còn qua lại gì với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải vợ chồng nhưng ông T, bà H vắng mặt. Tại phiên tòa, ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà H muốn ly hôn, ông T cũng nhất trí, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn muốn hàn gắn tình cảm để quay về đoàn tụ với nhau nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

[3]Về con chung: Vợ chồng ông T, bà H có 03 con chung là Vũ N, Vũ Hương G, sinh năm 1992 và Vũ Huy S, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung của ông bà đều đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản:

Theo lời khai của bà H, ông T thì vợ chồng có mảnh đất nguồn gốc mua của ông Nhiệm ở cùng thôn vào năm 1996, trên đất có 01 nhà cấp 4 và bếp. Năm 2006, vợ chồng đã phá dỡ nhà và xây dựng một ngôi nhà cấp 4 mới cùng công trình khác gồm nhà bếp, nhà vệ sinh, bể nước, sân gạch, cổng, tường bao. Năm 2020, mảnh đất của vợ chồng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 234,9m^2 số thửa 246, tờ bản đồ số 15. Ngoài ra vợ chồng ông bà còn mua sắm được một số tài sản là vật dụng trong gia đình như tivi, tủ lạnh, điều hòa, máy giặt, bàn ghế, bếp ga, tủ đứng, kệ, lioa, ổn áp, bình nóng lạnh. Tất cả các tài sản trên đều do ông T, bà H tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân bằng công sức của vợ chồng có tổng trị giá là 348.408.151đ được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Theo Luật Hôn nhân và gia đình thì bà H và ông T mỗi người sẽ có ½ giá trị khối tài sản trên.

Khi vợ chồng ly hôn, ông T, bà H đều không có chỗ ở nào khác, ông bà đều có nguyện vọng được chia phần đất có nhà để ở. Qua xem xét thấy mảnh đất của

vợ chồng có thể chia được cho mỗi người một phần để sử dụng, tuy nhiên, ngôi nhà không thể chia đôi cho mỗi người một phần vì nếu chia sẽ ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của ngôi nhà. Do vậy, ngôi nhà của ông bà chỉ có thể giao cho một người sử dụng. Xét thấy, bà H là phụ nữ, sức khỏe yếu nên việc tạo dựng nhà mới sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, hiện nay các con của ông bà là anh S và chị G đều có nguyện vọng có nhà để sinh sống cùng với mẹ là bà H, do vậy sẽ giao phần đất có nhà cho bà H sử dụng. Còn lý do ông T đưa ra muốn được ở phần đất có nhà để có nơi thờ cúng các cụ thì theo lời khai của ông T, bà H trước đó ông T đã được thừa hưởng mảnh đất của gia đình để lại làm nơi thờ cúng, nhưng ông đã bán đi lấy tiền sử dụng vào việc khác, mảnh đất đang tranh chấp là do vợ chồng tự tạo dựng được, vì vậy lý do ông đưa ra là không chính đáng nên không được chấp nhận.

Sau khi phân chia đất thì một phần nhà bếp nằm trên phần đất giao cho ông T, do vậy sẽ khấu trừ đi một phần giá trị của nhà bếp số tiền là 7.212.180đ khi giao cho bà H.

Các tài sản khác là đồ dùng trong gia đình sẽ tùy vào nhu cầu sử dụng của mỗi bên để phân chia.

Cụ thể phân chia hiện vật như sau:

- Giao cho bà Lưu thị H được quản lý và sử dụng các tài sản sau: Phần đất có diện tích 120,6m^2 trị giá: 84.420.000đ cùng các tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 trị giá: 57.748.855đ, tam cấp lát nền gạch đỏ đất nung trị giá 1.505.140đ, gạch lát nền nhà 49m^2 trị giá: 8.104.600đ, 2/3 nhà bếp trị giá 13.159.860đ, gạch lát nền đỏ đất nung 18m^2 trị giá 2.536.200đ, 6,2m^2 mái đua, mái vẩy trị giá: 2.889.200đ, 10m^2 sân bê tông gạch vỡ trị giá: 1.112.000đ, tường bó bồn cây trị giá 4.305.600đ, 23,4m^2 tường bao trị giá 13.993.200đ, 01 điều hòa Daikin trị giá: 1.125.000đ, 01 bếp ga + bình ga trị giá: 300.000đ, 01 tủ 02 buồng trị giá: 750.000đ, 01 biếp áp trị giá 275.000đ. Tổng trị giá: 191.549.641đ.

- Giao cho ông Vũ Đức T quản lý và sử dụng các tài sản sau: Phần đất có diện tích 114,3m^2 trị giá: 80.010.000đ, trên đất có 01 nhà vệ sinh trị giá 8.380.575đ, sân lát gạch chỉ 48,76m^2 trị giá: 4.846.744đ, 13,5m^2 mái đua, mái vẩy trị giá: 6.081.300đ, gạch lát nền Crimen 5,95m^2 trị giá: 1.047.795đ. Gạch ốp tường 15,22m^2 trị giá 3.864.358đ, sân gạch lát gạch đỏ 6,25m^2 trị giá: 1.033.750đ, sân bê tông gạch vỡ 44,64m^2 trị giá: 4.963.968đ, sân bê tông gạch vỡ 9,2m^2 trị giá 1.023.040đ, trụ cổng 0,9m^3 trị giá 1.356.508đ, 4,92m^2 tường bao trị giá: 2.942.160đ, bộ cánh cổng trị giá 4.753.350đ, bộ loa nội địa trị giá 300.000đ, 01 tủ 03 buồng trị giá: 11.500.000đ, 01 bình nóng lạnh Ariston trị giá: 200.000đ, 01 máy giặt LG trị giá: 1.250.000đ, 01 két sắt Colly trị giá 400.000đ, 01 tủ lạnh Electrolux trị giá: 300.000đ, 01 tivi Sony trị giá: 850.000đ, 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá: 9.000.000đ, 01 kệ gỗ trị giá: 5.500.000đ. Tổng trị giá: 149.603.539đ.

Bà H có trách nhiệm trả cho ông T tiền chênh lệch tài sản 21.012.419đ

Về án phí: Ông T bà H phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51,56 33,59,63 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 213, 357 của Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lưu Thị H được ly hôn ông Vũ Đức T.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của bà H, ông T tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân gồm: Thửa đất số 246 tờ bản đồ số 15 năm 2016 có diện tích 234,9m^2 tại thôn C, xã L, huyện Ân Thi. Trên đất có 01 nhà cấp 4 và các công trình khác xây dựng trên đất gồm nhà bếp, nhà vệ sinh, bể nước, sân gạch, cổng, tường bao và các tài sản khác là đồ dùng gia đình là có tổng giá trị là 348.408.151đ, sau khi khấu trừ đi 4,8m^2 nhà bếp phân chia cho bà H nằm trên phần đất chia cho ông T trị giá: 7.212.180đ, còn lại 341.195.971đ, bà H và ông T mỗi người có ½ giá trị khối tài sản trên = **170.597.986đ**.

Phân chia hiện vật:

a. Giao cho bà Lưu thị H được quản lý và sử dụng phần đất ABCD thuộc một phần thửa đất số 246 tờ bản đồ số 15 năm 2016 có diện tích 120,6m^2 trị giá 84.420.000đ cùng các tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 trị giá 57.748.855đ, tam cấp lát nền gạch đỏ đất nung trị giá 1.505.140đ, gạch lát nền nhà 49m^2 trị giá 8.104.600đ: 2/3 bếp trị giá 12.527.774đ, gạch lát nền đỏ đất nung 18m^2 trị giá 2.536.200đ, 6,2m^2 mái đua, mái vẩy trị giá 2.889.200đ, 10m^2 sân bê tông gạch vỡ trị giá 1.112.000đ, tường bó bồn cây trị giá 4.305.600đ, 23,4m^2 tường bao trị giá 13.993.200đ, 01 điều hòa Daikin trị giá 1.125.000đ, 01 bếp ga + bình ga trị giá 300.000đ, 01 tủ 02 buồng trị giá 750.000đ, 01 biến áp trị giá 275.000đ, Tổng trị giá: 191.592.405đ.

b. Giao cho ông Vũ Đức T quản lý và sử dụng phần đất EGHI thuộc một phần thửa đất số 246 tờ bản đồ số 15 năm 2016 có diện tích 114,3m^2 trị giá 80.010.000đ, cùng các tài sản trên đất: 01 nhà vệ sinh trị giá 8.380.593đ, sân lát gạch chỉ 48,76m^2 trị giá 4.846.744đ, 13,05m^2 mái đua, mái vẩy trị giá: 6.081.300đ, gạch lát nền Crimen 5,95m^2 trị giá 1.047.795đ, gạch ốp tường 15,22m^2 trị giá 3.864.358đ, sân lát gạch đỏ 6,25m^2 trị giá 1.033.750đ, sân bê tông gạch vỡ 44,64m^2 trị giá 4.963.968đ, sân bê tông gạch vỡ 9,2m^2 trị giá 1.023.040đ, trụ cổng 0,9m^3 trị giá 1.356.508đ, 4,92m^2 tường bao trị giá 2.942.160đ, bộ cánh cổng trị giá 4.753.350đ, bộ loa nội địa trị giá 300.000đ, 01 tủ 03 buồng trị giá 11.500.000đ, 01 bình nóng lạnh Ariston trị giá 200.000đ, 01 máy giặt LG trị giá 1.250.000đ, 01 két sắt Colly trị giá 400.000đ, 01 tủ lạnh Electrolux trị giá 300.000đ, 01 tivi Sony trị giá 850.000đ, 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 9.000.000đ, 01 kệ gỗ trị giá 5.500.000đ. Tổng trị giá: 149.603.566đ.

Việc phân chia đất và các công trình trên đất có sơ đồ kèm theo bản án.

Bà H có trách nhiệm trả cho ông T tiền chênh lệch tài sản số tiền 20.994.419đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông T có đơn đề nghị thi hành án, nếu bà H không thi hành khoản tiền nói trên phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Sau khi ly hôn, ông T có khó khăn về chỗ ở được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 8.529.899đ án phí dân sự, được trừ vào số tiền 15.000.000đ bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003017 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Trả lại bà H số tiền 6.170.101đ.

Ông T phải chịu 8.529.899đ tiền án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã L;*
- *THA;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ